

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 1683/BQLDA-ĐH ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Ban Quản lý dự án Biên Hòa, Văn bản số 970/CV-BQLDA ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ban quản lý dự án Biên Hòa về việc hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường cho công trình Xây dựng, cải tạo trường THCS Long Bình" tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 2285/TTr-PTNMT ngày 26 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban quản lý dự án Biên Hòa, địa chỉ tại Tầng 9, số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư "Xây dựng, cải tạo Trường THCS Long Bình" tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- Tên dự án đầu tư: Xây dựng, cải tạo Trường THCS Long Bình.
- Địa điểm hoạt động: tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thành lập Ban quản lý dự án Biên Hòa.

1.4. Mã số thuế: 3600503191.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng các phòng hỗ trợ học tập

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án 9.458,6 m²

- Quy mô:

+ Tổng mức đầu tư: 25.583.602.522 đồng.

+ Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án đầu tư thuộc nhóm III theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất: Khối phòng chức năng + hội trường + cầu nổi (4 tầng), diện tích xây dựng khoảng 558,70 m², diện tích sàn xây dựng khoảng 2.203,60 m² và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án Biên Hòa được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án Biên Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 6 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT/ UBND TP;
- Chánh, các PCVP/HĐND-UBND TP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- UBND phường Long Bình;
- Ban quản lý dự án Biên Hòa;
- Lưu: VT, KTNS.

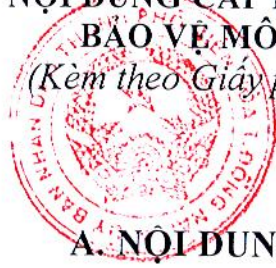
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Quốc Thái

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10694/GPMT-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của giáo viên, cán bộ công nhân viên và học sinh phát sinh từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu của dự án.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ vệ sinh tay, chân của giáo viên, cán bộ công nhân viên và học sinh phát sinh từ các lavabo của dự án.
- Nguồn số 03: Nước thải từ việc vệ sinh lớp học (12 phòng học bộ môn) và nước từ vệ sinh sàn nhà vệ sinh (04 nhà vệ sinh) của dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước D600 của khu vực nằm trên đường Hoàng Bá Bích ra suối Linh và chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước D600 của khu vực nằm trên đường Hoàng Bá Bích thuộc phường Long Bình, thành phố Biên Hòa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý: X: 1209831; Y: 404194 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^o45', múi chiều 3^o.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
3	TDS	mg/l	600	
4	TSS	mg/l	60	
5	Nitrat	mg/l	36	
6	Amoni	mg/l	6,0	
7	Phosphat	mg/l	7,2	
8	Sunfua	mg/l	1,2	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6,0	
11	Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

- Nước mưa từ mái nhà và nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom chảy vào các mương thoát nước mưa nội bộ của dự án có kết cấu bằng BTCT mương (0,4x0,4m), mương B300 bố trí dọc theo các trục đường từ công vào đến xung quanh khối trường học, nhà chức năng, hội trường, nhà xe, nhà bảo vệ... dọc tuyến thu gom bố trí hố ga (số lượng: 07 hố ga) thu gom về hố ga của dự án chảy ra hố ga hệ thống thoát nước D600 chung của khu vực chảy trên đường Hoàng Bá Bích chảy ra suối Linh vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai, bằng phương thức tự chảy có tọa độ vị trí: X= 1209831; Y= 404194 (Tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiếu 3⁰).

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động sinh hoạt (từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu) sẽ được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16 m³/bể cùng với nước thải phát sinh vệ sinh chân tay từ lavabo, nước vệ sinh sản nhà vệ sinh, phòng học sẽ được dẫn ngầm bằng hệ thống ống nhựa PVC Φ 200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K=1,2. Nước thải sau xử lý tập trung chảy theo ống PCV Ø200 đầu nối vào hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước D600 của khu

vực trên đường Hoàng Bá Bích thoát ra suối Linh rồi chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (bồn cầu, bồn tiểu) → Bể tự hoại 3 ngăn + Nước thải vệ sinh chân tay từ các lavabo, nước vệ sinh sàn nhà vệ sinh, phòng học → Bể kỵ khí dòng hướng ngược → Bể yếm khí giá thể tổ ong dính bám → Bể lắng cặn → Bể khử trùng clorin rắn → Hồ ga vào hệ thống thoát nước D600 của khu vực trên đường Hoàng Bá Bích → Suối Linh → sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Clorin (20kg/năm), Men vi sinh (30kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình công nghệ.

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; không để vượt công suất xử lý.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ 03 đến 06 tháng kể từ khi công trình xử lý nước thải của dự án được lắp đặt hoàn chỉnh, nghiệm thu và đủ điều kiện để đưa vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 15 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1,2; không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Thực hiện đấu nối hệ thống thoát nước của dự án vào hệ thống thoát nước chung của khu vực theo đúng quy định pháp luật.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10694/GPMT-UBND ngày 28/6/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.
- Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.
- Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý nước thải; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới các dãy lớp học và khu dân cư hiện hữu.
- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10694/GPMT-UBND ngày 28/6/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Tiếng ồn.**

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động xe đưa đón học sinh 30 chỗ tại khu vực cổng trường.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X = 1209947; Y = 404144

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107⁰45' múi chiều 3⁰)

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

2. Độ rung: Không phát sinh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo động cơ các xe 30 chỗ đưa rước học sinh hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Phương tiện đưa đón học sinh được yêu cầu không chở quá tải và giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án.

- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10694/GPMT-UBND ngày 28/6/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Rắn	5,9	16 01 06	NH
2	Pin thải	Rắn	4,1	16 01 12	NH
3	Bao bì kim loại cứng thải (bình xịt côn trùng, vỏ hộp sơn)	Rắn	10	18 01 02	KS
4	Linh kiện điện tử thải hoặc thiết bị điện thải có các linh kiện điện tử	Rắn	100	16 01 13	NH
5	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	6,34	19 05 02	KS
6	Bao bì nhựa thải (bao bì đựng hóa chất XLNT, xà phòng, nước tẩy rửa nhà vệ sinh, vỏ chai thuốc BVTV)	Rắn	15,0	14 01 06	KS
Tổng cộng			141,34	-	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Chất thải rắn thông thường	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
I	Chất thải có khả năng tái			

	chế, tái sử dụng			
1	Giấy vụn, bìa carton	1.000	12 08 03	TT-R
2	Gỗ: bàn học hỏng	500	12 08 08	TT-R
3	Nhựa: bao bì nylon, chai nhựa đựng nước, ...	2.000	18 01 06	TT
4	Nhóm kim loại: sắt, thép, ...	200	12 08 05	TT-R
II	Chất thải không có khả năng tái chế, tái sử dụng			
1	Bùn thải từ bể tự hoại	1.830	12 06 13	TT
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	1.150		
3	Chất thải phát sinh từ hoạt động duy tu, bảo dưỡng định kỳ công trình của dự án	1.000	11 01 05	TT
4	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo)	50	08 02 08	TT
Tổng cộng		7.730		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Chất thải rắn thông thường	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải rắn sinh hoạt	
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	6.300
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	3.700
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	2.000
	Tổng cộng	12.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có dung tích 25 lít, 100 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 7,48 m², vị trí: có tọa độ X (m) = 1209829; Y (m) = 404148.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, tôn bao xung quanh, nền bê tông, gắn biển báo ngoài khu vực, phân chia vạch và gắn các biển báo phân loại từng loại CTNH bên trong khu vực. Khu vực có trang bị thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ (cát khô,...) phòng ngừa sự cố.

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có dung tích 200 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 7,48 m², vị trí: có tọa độ X (m) = 1209829; Y (m) = 404148 (sát khu chứa chất thải nguy hại)

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng bê tông cốt thép, tường bao xung quanh, nền bê tông.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có dung tích 200 lít và 240 lít có nắp đậy đặt tại nhà vệ sinh, văn phòng, khuôn viên và khu vực tập kết rác trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

2.3.2. Khu vực lưu chứa ngoài trời (vị trí tập kết rác sinh hoạt):

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa ngoài trời: ngoài trời không có mái che; chất thải chứa trong các thùng rác có dung tích 200 lít và 240 lít, có nắp đậy kín.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn học sinh thực hiện phân loại theo quy định.

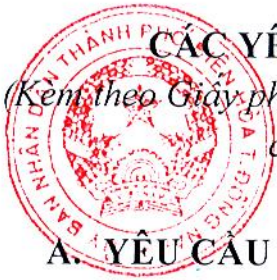
B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10694/GPMT-UBND ngày 28 / 6 / 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước mưa, nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy

ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

8. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

9. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.